TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. VŨNG TÀU
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 64/2017/DS-ST
Ngày 18-8-2017
Về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU
TỈNH BÀ RỊA VŨNG TÀU

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Thanh Trúc

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Hải

2. Ông Đặng Ngọc Thương

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc, thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Ngần – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2017, tại Trụ sở Toà án nhân dân TP.Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 17/2017/TLST-DS ngày 14 tháng 02 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2017/QĐXX-ST ngày 17 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Đ. V. C – sinh năm 1966; địa chỉ số 12 đường …, phường …., thành phố …..., tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông T.. Q. V… – sinh năm 1962; địa chỉ số ….. đường ……, phường ……., thành phố ……, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu là đại diện ủy quyền theo giấy ủy quyền ngày 15 tháng 02 năm 2017(Có mặt);

- *Bị đơn:* Bà N… T…. K…. H…. – sinh năm 1964; HKTT số ……., phường …..., thành phố …, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Vắng mặt lần 2 không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 30 tháng 12 năm 2016 và quá trình tố tụng tại Tòa, ông Đ. V. C. và đại diện hợp pháp của ông C. trình bày: Ông Đ. V..C.. và bà N.. T..K. H.. có quan hệ khách hàng thân thiết với nhau. Từ trước năm 2012, bà H..vay tiền của ông C.., mỗi lần vay số tiền khoảng từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000

đồng, chỉ dựa vào sự tin tưởng của hai bên không cầm cố, thế chấp tài sản có giá trị, không lập hợp đồng hay viết giấy tay vay tiền. Bà Hồng trả tiền lãi cho ông C…. đều đặn dựa trên số nợ gốc theo mức lãi suất 1%/tháng và tất toán cho từng khoản nợ vay.

Đến ngày 02-12-2014, bà H…. hỏi vay số tiền 1.200.000.000 đồng, do số tiền lớn nên ông C…. yêu cầu lập hợp đồng và hai bên ra Phòng công chứng Bà Rịa Vũng Tàu lập hợp đồng vay tiền có công chứng Trịnh Thị Bình Minh chứng thực ngày 02-12-2014, thời hạn vay 01 năm, lãi suất 1%/tháng, ông C…. giao tiền vay cho bà H…., bà H…. trả lãi vay hàng tháng cho ông C….. Đến ngày 01-02-2015 bà H…. yêu cầu vay thêm số tiền là 200.000.000 đồng, ông C… đồng ý nên bà H…. viết giấy tay vay tiền (giấy thế chấp) với nội dung nhận 1.400.000.000 đồng, thế chấp bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên N. V..H..và N. T. B. số vào sổ cấp giấy 04737.

Tại đơn khởi kiện ngày 30-12-2016, ông C. có 02 yêu cầu là: Buộc bà N. T. K. H. phải hoàn trả cho ông C. tổng số tiền nợ 1.400.000.000 đồng, tiền lãi tạm tính từ ngày 01-6-2015 đến ngày 30-12-2016 là 252.000.000 đồng theo mức lãi suất 1%/tháng và ông C. sẽ trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 578654 do UBND TP.Vũng Tàu cấp ngày 14-9-2011 cho bà H... Ngày 21-6-2017, Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu thông báo cho ông Cường là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 578654 do UBND TP.Vũng Tàu cấp ngày 14-9-2011 đối với thửa đất số 20, tờ bản đồ số 68 tọa lạc tại phường 12, TP Vũng Tàu đứng tên ông N. V.H., bà N. T. B., số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH-04737 đã bị hủy bỏ theo Quyết định số 3340/QĐ-UBND ngày 20-7-2015 của Ủy ban nhân dân TP V… nên tại biên bản làm việc ngày 12 tháng 7 năm 2017 và tại phiên tòa ngày hôm nay, ông C… và đại diện hợp pháp của ông C… yêu cầu buộc bà N. T.K.H…phải hoàn trả cho ông C…số tiền nợ 1.400.000.000 (Một tỷ bốn trăm triệu) đồng, ngoài ra không còn yêu cầu nào khác.

Từ khi Toà án thụ lý vụ án, đã nhiều lần triệu tập bà N.. T.. K… H. đến Toà giải quyết về số nợ ông C. yêu cầu bà phải trả nhưng bà H. vắng mặt kh ông có lý do nên không xác định rõ yêu cầu.

- Tại phiên toà Kiểm sát viênphát biểu ý kiến:

+ Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và nguyên đơn tuân theo quy định của pháp luật. Bị đơn không tuân theo quy định của pháp luật.

+ Tại phiên xét xử : Hội đồng xét xử , thư ký và nguyên đơn tuân theo quy định của pháp luật. Bị đơn vắng mặt đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung.

+ Về nội dung: đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà và ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Đ.. V.. C.. khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà N.T..K… H.. trả tiền vay theo hợp đồng vay tiền đã ký kết, bà H…đang sinh sống tại thành phố Vũng Tàu, theo quy định tại khoản 1 Điều 30 và điểm b khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu.

Bà N.. T… K.. H.. đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà H..

[2] Về nội dung:

Ngày 02-12-2014, ông Đ. V. C. và bà N.T..K.. H. ký kết hợp đồng vay tiền, thể hiện: ông Đ. V. C. cho bà N. T. K.H. vay số tiền 1.200.000.000 đồng, đến ngày 01-02-2015, bà H..yêu cầu vay tiếp số tiền 200.000.000 đồng, ông C….đồng ý nên bà H.. viết giấy thế chấp nhận 1.400.000.000 đồng, thế chấp bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH-04737 đứng tên ông N. V. H., bà N. T. B. cho ông C.. Sau khi nhận tiền vay bà H. trả lãi đến tháng 5-2016 thì không trả nữa dẫn đến tranh chấp tại Tòa hôm nay.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện hợp pháp của ông C. yêu cầu buộc bà N. T. K. H. trả cho ông Đ.V. C. tổng số tiền 1.400.000.000 đồng, ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Xét yêu cầu của nguyên đơn thì thấy: Để chứng minh cho yêu cầu của mình ông Đ. V. C. cung cấp hợp đồng vay tiền ngày 02-12-2014 (BL 13,14/TA) và giấy thế chấp ngày 01-02-2015 (BL 15/TA). Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã thực hiện việc tống đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà H.. không có ý kiến gì đối với các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cũng như không có yêu cầu phản tố. Căn cứ khoản 1 Điều 91, khoản 10 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự và kết luận giám định số 2508/PC54-Đ3 ngày 18/8/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, khẳng định chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là hợp lệ. Vì vậy, yêu cầu của ông Đ.V. C. buộc bà N. T. K.H. trả số tiền 1.400.000.000 đồng là có căn cứ được chấp nhận.

- Về yêu cầu trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 578654 do UBND TP.V.. cấp ngày 14-9-2011 cho bà H.. Yêu cầu bà H. trả số tiền 252.000.000 đồng lãi. Ông C.. rút yêu cầu tại biên bản lấy lời khai ngày 12-7-2017. Tại phiên tòa hôm nay, đại diện ủy quyền của ông C. không yêu cầu xem xét nên Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu này.

- Về chi phí giám định: ông Đ..V.. C. tự nguyện nộp và đã nộp xong.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của ông C. được chấp nhận nên bà N. T.K.H. phải nộp 54.000.000 đồng được tính như sau: 1.400.000.000 đồng = [36.000.000 đồng + (600.000.000 đồng x 3%)]. Hoàn tiền tạm ứng án phí cho ông Đ. V..C

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 91, khoản 10 Điều 92 và khoản 3 Điều 228 và khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, 466 và 470 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễm, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đ. V. C. đối với bà N. T. K. H..

Buộc bà N. T. K. H. phải trả cho ông Đ. V. C. số tiền 1.400.000.000 (Một tỷ bốn trăm triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Đình chỉ yêu cầu trả tiền lãi và trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 578654 do UBND TP.V. . cấp ngày 14-9-2011 của ông Đ. V. C. đối với bà Ng. T. K. H..

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Ng. T.K. H. phải nộp 54.000.000 (Năm mươi bốn triệu) đồng.
- Hoàn số tiền 30.780.000 (Ba mươi triệu bảy trăm tám mươi ngàn) đồng cho ông Đ. V. C. theo Biên lai thu tạm ứng số 02024 ngày 14-02-2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. Riêng đương sự vắng mặt quyền kháng cáo tính từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết công khai.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh BR-VT ;
- Viện kiểm sát ND TP. Vũng Tàu;
- Thi hành án dân sự TP. Vũng Tàu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Võ Thị Thanh Trúc